

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2026/DS-PT

Ngày: 14/01/2026

V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Tuyết Mai.

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Trang Thu

Bà Trần Thị Thanh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần thơ

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2026 tại Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 451/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 11 năm 2025 về “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Toà án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 865/2025/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lương Văn T, sinh năm 1950.

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1951.

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ngân hàng N1;

Địa chỉ: số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Thanh H – Chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N1 chi nhánh V1, Hậu Giang.

Địa chỉ: Số A, N, xã V, thành phố Cần Thơ.

3.2 Ông Lương Trọng T1, sinh năm: 1985.

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

3.3 Ông Trần Văn D, sinh năm: 1978,

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

3.4 Ông Nguyễn Thị N, sinh năm: 1956;

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

3.5 Ông Lương Bá T2, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

3.6 Ông Lương Văn T3, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

3.7 Ông Lương Trọng T4, sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

3.8 Ông Lương Thành T5, sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, thành phố Cần Thơ.

3.9 Bà Lương Thị Hồng T6, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

3.10 Bà Lương Thị Hồng T7, sinh năm: 1987.

Địa chỉ: Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị M là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN

- Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn ông Lương Văn T trình bày: Nguồn gốc phần đất 1.500m² là của ông Lương Văn C cho ông vào năm 1984; cụ thể năm 1984 cha ông cầm cố phần đất nói trên cho ông T8 và ông bỏ ra 10 chỉ vàng chuộc đất nên cha ông cho ông phần đất này và canh tác từ năm 1984 đến 1994 do điều kiện kinh tế khó khăn ông phải đi làm thuê, việc tặng cho đất không có giấy tờ, loại đất trồng lúa, ông sử dụng đất từ năm 1984 đến năm 1994. Do ông làm đất không có hiệu quả nên năm 1994 ông đưa đất cho ông T9 canh tác (ông cho ông T9 mượn đất) và đóng lúa nuôi cha mẹ với lý do ông ra thị trấn L làm công việc khác không canh tác đất. Đến năm 1996 ông được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đến ngày 21/6/2021 ông được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03687, ngày 21/6/2021 tại thửa đất số 1177, diện tích 1.500m², đất chuyên trồng lúa nước. Năm 2021 ông T9 chết, ông có yêu cầu vợ ông T9 là bà Lê Thị M trả lại phần đất trên nhưng bà M không đồng ý nên phát sinh tranh chấp. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Lê Thị M trả lại phần đất diện tích 1.500m², tại thửa 1177, loại đất LUC.

- Bị đơn bà Lê Thị M trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha chồng của bà là ông Lương Văn C cho ông Lương Văn T9 vào năm 1981, cho 05 công đất ruộng tầm 3m. Ông T9 quản lý sử dụng từ năm 1981 đến năm 2021 không ai tranh chấp. Phần đất trên chồng bà là ông Lương Văn T9 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do phần đất bà canh tác nhiều thửa nên bà không biết phần đất tranh chấp nằm tại thửa nào. Việc ông Lương Văn T cho rằng ông T canh tác phần đất tranh chấp từ năm 1984 đến năm 1994 là không đúng. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03687 ngày 21/6/2021 không đúng trình tự theo quy định pháp luật. Khi cấp giấy những người giáp ranh không có ký tên. Do đó, ông Lương Văn T yêu cầu bà trả lại đất diện tích 1.500m² thì bà không đồng ý. Bà đã canh tác đất từ năm 1981 đến nay nên bà có yêu cầu phản tố yêu cầu Tòa án công nhận phần đất tranh chấp có diện tích 1.500m², tại thửa 1177 theo đo đạc thực tế cho bà quản lý, sử dụng. Phần đất tranh chấp hiện nay bà đã cố cho ông Trần Văn D, địa chỉ ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ với số tiền 250.000.000 đồng (cố 05 công đất ruộng trong đó có phần đất tranh chấp, cố thời gian nào bà không nhớ rõ). Khi nào bà có tiền trả cho ông D thì ông D cho bà chuộc lại đất. Bà và ông T9 có 07 người con gồm: Lương Bá T2, Lương Văn T3, Lương Trọng T4, Lương Thành T5, Lương Thị Hồng T6, Lương Trọng T1, Lương Thị Hồng T7.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị N trình bày: Bà kết hôn với ông Lương Văn T vào năm 1976 đến năm 1984 ông Lương Văn C có cho ông Lương Văn T phần đất diện tích 1.500m², ông T canh tác đất từ năm 1984 đến năm 1994 cho ông Lương Văn T9 mượn đất canh tác để nuôi cha mẹ. Bà thống nhất với ý kiến của ông Lương Văn T, mọi quyết định của ông T, bà đều thống nhất.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Trọng T1 trình bày: Ông là con của bà Lê Thị M và ông Lương Văn T9. Ông thống nhất với ý kiến của bà M, mọi quyết định của bà M, ông đều thống nhất. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Tại phiên tòa ông Lương trọng T1 cũng đồng ý theo ý kiến bà M trả giá trị phần đất tranh chấp cho ông Lương Văn T là 50.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lương Bá T2 trình bày: Ông là con của bà Lê Thị M và ông Lương Văn T9. Ông thống nhất với ý kiến của bà M, mọi quyết định của bà M ông đều thống nhất. Ông không có yêu cầu gì trong vụ án này. Tại phiên tòa ông Lương Bá T2 cũng đồng ý theo ý kiến của bà M trả giá trị phần đất tranh chấp cho ông Lương Văn T là 50.000.000 đồng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn D trình bày: Ông có cố của bà Lê Thị M tổng cộng 5 công tầm lớn đất ruộng giá 250.000.000 đồng. Trong đó có 1.500m² đất tranh chấp. Thời hạn cố 5 năm từ 2022 đến 2027, nếu bà Lê Thị M không chuộc thì ông tiếp tục sử dụng đất. Ông yêu cầu tách hợp đồng cố đất giữa bà M và ông ra vì hiện tại ông chưa có yêu cầu gì trong vụ án này.

Nguyên đơn ông Lương Văn T trình bày bổ sung: Ông không thống nhất theo yêu cầu phản tố của bà Lê Thị M và ông không có yêu cầu gì.

Vụ việc được hòa giải nhưng không thành nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ đưa vụ án ra xét xử, tại bản án sơ thẩm số: 12/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ đã tuyên như sau:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Văn T.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn Lê Thị M.

3. Buộc bà Lê Thị M có trách nhiệm trả lại giá trị phần đất tranh chấp cho ông Lương Văn T số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Bà Lê Thị M được tiếp tục ổn định, sử dụng phần đất có diện tích 1.500m² loại đất LUC, thửa 1177 thuộc tờ bản đồ số 3, theo hệ thống bản đồ chính quy thuộc thửa 282 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ). Phần đất tranh chấp theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án nhân dân thị xã Long Mỹ (nay là Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ) và Mảnh trích đo địa chính số 82/Công ty TNHH DVTV và ĐBĐĐ Đất Việt ngày 04/9/2024 của Công ty TNHH D1 và duyệt của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 30/9/2024 (có mảnh trích đo địa chính kèm theo).

5. Bà Lê Thị M có quyền liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Kiên nghị các cơ quan chức năng thu hồi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CT 144688 vào sổ cấp GCN: CH03687 ngày 21/6/2021 mang tên ông Lương Văn T cấp lại cho bà Lê Thị M.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí thẩm định và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định của pháp luật.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, bị đơn bà Lê Thị M có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn bà Lê Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Nguyên đơn và bà N yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông T1 và bà T7 yêu cầu chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn.

- Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ:

Về thực hiện pháp luật: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý đến khi xét xử theo trình tự phúc thẩm. Các đương sự trong vụ án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự đối với người tham gia tố tụng. Đơn và thời hạn nộp tạm ứng kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M trong hạn luật định nên được xem là hợp lệ về mặt hình thức.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời khai tại phiên tòa của các đương sự cho thấy cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến cũng như chứng cứ các bên cung cấp và trình bày. Bị đơn bà Lê Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Do đó, Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ đã được thẩm tra tại tòa phúc thẩm; Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện ý kiến của Kiểm sát viên; những người tham gia tố tụng khác

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại quyền sử dụng đất có diện tích 1.500m² nhưng phía bị đơn có đơn phản tố yêu cầu công nhận phần đất đang tranh chấp cho bị đơn nên cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật: “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là phù hợp.

[2] Sau khi xét xử sơ thẩm, nguyên đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[3] Về thủ tục tố tụng: Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng N1, Trần Văn D, Lương Bá T2, Lương Văn T3, Lương Trọng T4, Lương Thành T5, Lương Thị Hồng T6 đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[4] Về nội dung: Các đương sự thống nhất xác định phần đất đang tranh chấp có diện tích 1.500m² loại đất LUC, thửa 1177 thuộc tờ bản đồ số 3, theo hệ thống bản đồ chính quy thuộc thửa 282 tờ bản đồ số 20, địa chỉ thửa đất Ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ) theo Mảnh trích đo địa chính số 82/Công ty TNHH DVTV và ĐDBĐ Đất Việt ngày 04/9/2024 của Công ty TNHH D1 và duyệt của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 30/9/2024. Nguồn gốc thửa đất đang tranh chấp là của ông Lương Văn C có trước năm 1975 (ông C là cha ông Lương Văn T và ông Lương Văn T9), ông Lương Văn T cho rằng phần đất là cha ông cho ông vào năm 1984 do cha ông đem phần đất này đi cô cho ông T8 và ông là người bỏ ra 10 chỉ vàng ra chuộc đất về canh tác từ năm 1984 đến năm 1994 và đến năm 1996 thì được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Còn bà Lê Thị M1 là vợ của ông Lương Văn T9 cho rằng phần đất trên là của cha chồng là ông Lương

Văn C cho vợ chồng bà từ năm 1981 và canh tác đất liên tục từ đó đến nay, bà hoàn toàn không mượn đất ông T, việc ông T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng bà hoàn toàn không biết nay bà yêu cầu công nhận phần đất nói trên thuộc quyền sử dụng của bà. Do các bên đương sự có tranh chấp nên Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ đã thụ lý giải quyết, không đồng ý với bản án sơ thẩm nên bị đơn có đơn kháng cáo.

[5] Bị đơn kháng cáo cho rằng phần đất này bị đơn cùng chồng đã sử dụng ổn định từ năm 1981 cho đến nay không phát sinh tranh chấp với ai. Ông Lương Văn T khởi kiện là không hợp lý nên bị đơn kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn. Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Thứ nhất: Bị đơn kháng cáo cho rằng phần đất đang tranh chấp có diện tích 1.500m² loại đất LUC đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn T9 (ông T9 là chồng của bị đơn, ông T9 chết năm 2021). Từ khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho đến nay thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền chưa ra bất kỳ Quyết định thu hồi phần đất đã cấp cho ông T9. Trong khi đó, nguyên đơn lại kê khai và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất đang tranh chấp. Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cho rằng sau khi ông C cho ông T9 5 công đất thì ông T9 đã thực hiện thủ tục kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 000175 cấp ngày 22/8/1995 kể cả phần đất đang tranh chấp. Tuy nhiên, qua xem xét thẩm định tại chỗ đối với phần đất các bên đang tranh chấp, có cơ sở xác định đó là thửa đất 1177, có diện tích 1.500m² loại đất LUC, thuộc tờ bản đồ số 3, theo hệ thống bản đồ chính quy thuộc thửa 282 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ) theo Mảnh trích đo địa chính số 82/Công ty TNHH DVTV và ĐBĐĐ Đất Việt ngày 04/9/2024 của Công ty TNHH D1 và duyệt của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thị xã L ngày 30/9/2024. Thửa đất 1177 này, do nguyên đơn kê khai và đến năm 1996 nguyên đơn được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến ngày 21/6/2021 nguyên đơn được cấp đổi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03687. Đối chiếu với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Lương Văn T9 cho thấy ông T9 không được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa 1177 đang tranh chấp nhưng phía nguyên đơn được cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất này. Vì vậy, việc bà M1 cho rằng quyền sử dụng đất tại thửa 1177 thuộc quyền sử dụng của bị đơn là không có cơ sở.

Thứ hai: Bị đơn kháng cáo cho rằng việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn T theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH03687 ngày 21/6/2021 không đúng trình tự theo quy định pháp luật. Khi cấp đất những người giáp ranh không có ký tên. Nhận thấy, thửa đất 1177, có diện tích 1.500m² loại đất LUC, thuộc tờ bản đồ số 3, theo hệ thống bản đồ chính quy thuộc thửa 282 tờ bản đồ số 20 tọa lạc tại ấp B, xã L, thị xã L, tỉnh Hậu Giang (nay là Ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ) theo bản đồ chính quy nằm giáp ranh với thửa đất 116 (thửa cũ 1178) thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

số 000175 cấp ngày 22/8/1995 mang tên ông Lương Văn T9. Quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có văn bản hỏi Ủy ban nhân dân về việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lương Văn T có đúng hay không? Tại Công văn số 1285/UBND-NNMT ngày 08/4/2025 của UBND thị xã L (cũ) khẳng định việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng số CH03687 do UBND huyện L cấp ngày 21/6/2021 công nhận cho ông Lương Văn T là đúng trình tự thủ tục. Như vậy, có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng đất của nguyên đơn. Cấp sơ thẩm đã công nhận cho bị đơn được tiếp tục sử dụng diện tích 1.500m² loại đất LUC, thửa 1177 thuộc tờ bản đồ số 3 tọa lạc tại ấp B, phường L, thành phố Cần Thơ và buộc bị đơn trả giá trị quyền sử dụng đất cho nguyên đơn là phù hợp.

Từ những phân tích trên nhận thấy bị đơn bà Lê Thị M kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở xem xét.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc giữ nguyên bản án sơ thẩm là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà M không được chấp nhận nên bà M phải chịu án phí phúc thẩm. Tuy nhiên, bà M là người cao tuổi nên được miễn án phí theo Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị M.

1. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 12/2025/DS-ST ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Cần Thơ.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Miễn án phí cho bị đơn bà Lê Thị M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- TAND khu vực 12 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 12 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Tuyết Mai

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

CÁC THẨM PHÁN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang Thu

Trần Thị Thanh Giang

Phan Thị Tuyết Mai